

Bản án số: 505/2023/HS-PT

Ngày: 27 - 7 - 2023

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tòa án nhân dân cấp cao TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 216/2023/TLPT-HS ngày 03 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo Lê Thanh V và Nguyễn Thụy Như Q. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2023/HS-ST ngày 23/02/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo kháng cáo:

1. Lê Thanh V; giới tính: Nam; sinh năm 1977 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; đăng ký thường trú: 457/91 C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: lao động tự do; cha: Lê Phát H, sinh năm 1942; mẹ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1946; hoàn cảnh gia đình: Sống như vợ chồng với Nguyễn Thụy Như Q là bị cáo trong vụ án.

Tiền án: Ngày 05/6/2012, bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” (Bản án số 178/2012/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/10/2018 tại trại giam An Phước – Bộ Công an.

Nhân thân:

- Tháng 3/1996 nhập ngũ, cấp bậc: Binh nhì – chiến sĩ Phòng Dân vận Tuyên truyền đặc biệt – Cục chính trị Quân khu 7; ngày 07/8/1998, bị Tòa án Quân sự khu vực I – Quân khu 7 xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Bản án số 19/HSST), đã chấp hành xong toàn bộ bản án;

- Ngày 30/7/2001, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 372/HSST), đã chấp hành xong toàn bộ bản án;

- Ngày 09/9/2004, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 1565/HSST), đã chấp hành xong toàn bộ bản án;

Bị tạm giam từ ngày 24/3/2020.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thụy Như Q; giới tính: Nữ; sinh năm: 1984 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Đăng ký thường trú: 11E N, Phường 3, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 945/36 L, Phường 16, quận G và nhà không số, Tổ 7, Ấp 11A, xã T, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: lao động tự do; cha: Nguyễn Văn H, mẹ: Hồng Thị T; hoàn cảnh gia đình: chung sống như vợ chồng với Lê Thanh V là bị cáo trong vụ án; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giam từ ngày 24/3/2020.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh V theo Luật định:* Luật sư Đoàn Huy H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh V theo Luật định:* Luật sư Vũ Thanh H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Võ Thị L, Trần Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 23 giờ 20' ngày 18/3/2020, tại quầy bán vé bến xe Miền Tây thuộc phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Công an Huyện C; Công an phường A, quận B kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang Võ Thị L có hành vi “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, thu giữ trong giỏ xách màu đen L đang đeo trên người 01 hộp giấy bên ngoài quấn băng keo màu vàng, bên trong có 01 bịch nylon chứa 111,1714 gam Heroine và 01 gói nylon chứa 99,5872 gam Methamphetamine (BL 405-406). L khai số ma túy bị thu giữ nhận từ một người phụ nữ ở khu vực Huyện C để vận chuyển giúp cho đối tượng tên M (không rõ lai lịch) từ Thành phố Hồ Chí Minh về Huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Đến 18 giờ 00' ngày 23/3/2021, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Công an Huyện C; Công an xã T, Huyện C kiểm tra hành chính chỗ ở của Lê Thanh V tại nhà không số, Tổ 7, Ấp 11A, xã T, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi tổ kiểm tra vào trong sân phát hiện, bắt quả tang Trần Ngọc H ném từ trong tay xuống nền nhà chỗ H đứng 01 gói nylon chứa 1,7717 gam Methamphetamine (BL 54-55). Ngoài ra, tại thời điểm kiểm tra trong nhà còn có các đối tượng Nguyễn Thụy Như Q; Phạm Đình N; Nguyễn Thành L; Nguyễn Anh T; Đàm Lê Quốc B; Bùi Hoàng Y; Nguyễn Văn HU; Trương Tấn A; Nguyễn Xuân T có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy (BL 33-52).

Trên cơ sở lời khai của Trần Ngọc H và Phạm Đình N, lúc 22 giờ 20' cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Thanh V tại nhà không số, Tổ 7, Ấp 11A, xã T, Huyện C, phát hiện thu giữ tại nhiều vị trí trong phòng ngủ của Lê Thanh V và Nguyễn Thụy Như Q nhiều vật chứng là ma túy và L quan đến ma túy, cụ thể:

- Tại góc giường phía bên trái từ cửa phòng nhìn vào có: 01 bao xác rắn, bên trong có 01 bao nylon màu xanh, bên trong có 09 gói nylon chứa tổng cộng 899,64 gam Methamphetamine; 01 hộp kim loại hình trụ tròn bên ngoài có in chữ “WHITE CASTLE”, bên trong có: 01 gói nylon chứa 48,6477 gam Methamphetamine; 01 gói nylon chứa 08 viên nén màu xanh có tổng khối lượng 2,9229 gam hỗn hợp Methamphetamine, MDMA và Ketamine; 01 gói nylon chứa 0,6487 gam Ketamine; 01 gói nylon chứa 09 viên nén nhiều màu có tổng khối lượng 3,6813 gam, không tìm thấy ma túy.

- Dưới gầm tủ phía bên phải từ cửa phòng nhìn vào có: 01 túi nylon màu đỏ, bên trong có 01 gói nylon dạng gói trà bên ngoài in chữ “TIE GUAN YIN”, bên trong có 03 gói nylon chứa 696,06 gam Ketamine.

- Trên kết sắt đặt giữa phòng có: 01 gói nylon bên ngoài ghi ký hiệu số 54 chứa 0,5859 gam Methamphetamine.

- Trên sàn nhà giữa phòng có: 01 bình thủy tinh có gắn nỏ thủy tinh và ống hút, bên trong nỏ còn 0,4404 gam Methamphetamine.

- Thu giữ trên kệ gỗ đặt trong phòng ngủ phía bên trái từ cửa nhìn vào 01 khẩu súng bằng kim loại màu đen, có ký hiệu “K -17”, kết luận giám định là đồ chơi nguy hiểm bị cấm.

Ngoài ra, còn thu giữ 01 cân điện tử màu bạc; 01 túi màu đen bên trong có nhiều gói nylon bên trong không chứa gì; 04 điện thoại di động; 01 cái ví bên trong có 40.000.000 đồng tiền Việt Nam; 01 thẻ của Ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Thụy Như Q (BL 58-60).

Tại Cơ quan điều tra, Q khai nhận còn cất giấu ma túy ở nhà do Q thuê tại số 945/36, đường L, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành khám xét khẩn cấp địa điểm này, kết quả thu giữ: 01 túi vải, bên trong có 01 gói nylon chứa 142,6489 gam Methamphetamine; 01 gói nylon chứa 04 viên nén màu đỏ có tổng khối lượng 0,3838 gam Methamphetamine; 02 gói nylon chứa 2,9954 gam Methamphetamine; 01 gói nylon chứa 0,3016 gam Methamphetamine; 01 gói nylon bên ngoài in chữ “NEW USB CABLE” chứa 0,6304 gam Methamphetamine; 01 gói thuốc lá hiệu “Sài Gòn”, bên trong có 01 gói nylon chứa 1,7611 gam Methamphetamine; 01 gói nylon chứa 04 viên nén màu đỏ có tổng khối lượng 0,3756 gam Methamphetamine và 01 viên nén màu xanh có khối lượng 0,0916 gam Methamphetamine. Ngoài ra, còn thu giữ 01 cân điện tử màu trắng-bạc; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy có gắn nỏ và ống hút và 01 chiếc đầm màu đỏ của Nguyễn Thụy Như Q (BL 110-113).

Quá trình điều tra các bị can đã khai nhận hành vi phạm tội, hồ sơ thể hiện:

Võ Thị L là người lớn tuổi, tạm trú tại Huyện P, tỉnh Kiên Giang, không có việc làm ổn định, làm công việc nội trợ và chăm cháu ngoại bị bệnh thận mãn tính nên hàng tháng L thường đến Thành phố Hồ Chí Minh khám và mua thuốc cho cháu. Khoảng cuối tháng 01/2020, L quen biết một phụ nữ tên M khoảng 40 tuổi (không rõ lai lịch) trên chuyến tàu từ Huyện P sang thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Sau đó, M đến chỗ ở của L tại Huyện P chơi và giới thiệu M đang là chủ một quán nước giải khát tại thị trấn D, Huyện P nhưng không nói rõ địa chỉ, thấy

hoàn cảnh của L khó khăn nên M cho L 200.000 đồng để mua sữa cho cháu ngoại. Đến khoảng cuối tháng 02/2020, L vô tình gặp M tại bến xe Miền Tây thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó 02 người hẹn nhau cùng về P, khi lên xe về, M lấy 01 túi nylon có chứa hộp thuốc đưa cho L, nhờ cất giữ giúp trong túi xách của L, khi lên tàu đi sang Huyện P, M lấy lại hộp thuốc, lần này M không trả công cho L. Sau đó, M biết đến ngày 18/3/2020, L tiếp tục đến Thành phố Hồ Chí Minh mua thuốc, nên khoảng 19 giờ ngày 17/3/2020, M đến chỗ ở của L đưa cho L 1.000.000 đồng và nhờ L đi cùng với 01 người là cháu (không rõ lai lịch) của M đến Thành phố Hồ Chí Minh để dẫn L đi mua thuốc giúp cho M, rồi đem về P giùm M, tiền mua thuốc cháu của M sẽ đưa cho L, L chỉ cần giúp giao tiền và nhận thuốc mang về cho M, M hứa sau khi xong việc, M sẽ hỗ trợ thêm tiền tàu, xe cho L. Đến 06 giờ 00' ngày 18/3/2020, tại bến tàu Huyện P, L và cháu M gặp nhau cùng đi Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nơi, L đi mua thuốc cho cháu ngoại xong, thì cháu của M đón xe taxi cùng L đến ngã tư H, tại đây có người tên T (không rõ lai lịch) đến đón cả hai đi đến một quán nước bên đường và cháu của M đưa cho L một cục tiền không rõ là bao nhiêu, nói L đi theo T để mua thuốc đem về cho M. T chở L đi đến nhà của Lê Thanh V, tại đây L nhìn thấy có 04 thanh niên (không rõ lai lịch) có nhiều hình xăm trên người đang ngồi bấm điện thoại, L đi theo T vào phòng ngủ của V gặp V và Nguyễn Thụy Như Q, L thấy trong phòng ngủ của V có các dụng cụ sử dụng ma túy tổng hợp (đá). Sau đó, T gọi điện cho M nói chuyện gì đó rồi đưa điện thoại cho V nói chuyện nhưng L không nghe rõ V nói gì với M, xong T nói L đưa tiền cho V, V nhận tiền đếm, L ngồi bên cạnh nhìn thấy V đếm được khoảng 100.000.000 đồng, đếm tiền xong V nói L ra ngoài phòng khách ngồi đợi. Khoảng 20 phút sau, do thấy lâu nên L quay trở lại phòng ngủ của V thì chỉ nhìn thấy Q đang 01 mình ngồi quán băng keo vào hộp giấy, L nói với Q là thuốc đâu đưa cho L, Q nói gần xong rồi, để Q quán thêm băng keo cho chắc. Do thường xuyên xem báo đài và mạng xã hội, nên lúc này L biết là M đã nhờ L đi lấy ma túy của V đem về Huyện P cho M. Sau khi nhận gói ma túy từ Q đưa, L cất vào trong túi xách và đi ra phía trước nhà của V nhờ T chở ra ngã tư H, đón xe taxi đi về bến xe Miền Tây thì bị kiểm tra bắt quả tang.

Trần Ngọc H bắt đầu sử dụng ma túy từ khoảng tháng 11/2019, khoảng đầu năm 2020 V thuê H đến chỗ ở của V tại nhà không số, Tổ 7, Ấp 11A, xã T, Huyện C để nuôi gà đá cho V và được V trả công 900.000 đồng/tuần hoặc ma túy “đá” để sử dụng, ngoài ra những lần V đem gà đi đá cá độ ăn tiền nếu thắng thì V cho thêm tiền hoặc ma túy. Vào khoảng 13 giờ 30' ngày 23/3/2020, khi H đang ở nhà của V giúp V nuôi gà đá thì V đưa cho H 01 gói nylon chứa ma túy “đá” tương đương 900.000 đồng để trả công nuôi gà, H lấy 01 ít ma túy trong

gói ma túy này ra sử dụng tại chỗ ở của V, số ma túy còn lại H cất giữ trong túi quần đang mặc. Đến khoảng 18 giờ 00' cùng ngày, trong lúc đang chăm sóc gà trong khuôn viên nhà của V, H nhìn thấy có Công an đến kiểm tra, do sợ bị phát hiện nên H lấy gói ma túy để trong túi quần ném xuống nền nhà ngay chỗ của H đang đứng, thì bị phát hiện bắt quả tang.

Nguyễn Thụy Như Q sử dụng ma túy từ khoảng năm 2017 và chung sống như vợ chồng với Lê Thanh V từ khoảng cuối năm 2019 tại nhà không số, Tổ 7, Ấp 11A, xã T, Huyện C và thuê nhà số 945/36 L, quận G để buôn bán nhưng sau đó đóng cửa. Đến đầu năm 2020, Q biết V có hoạt động mua bán ma túy và thường xuyên được V cho ma túy để sử dụng. Ngày 23/3/2020, Q đang ở nhà của V thì thấy Công an đến kiểm tra các đối tượng đang ở trong khuôn viên nhà của V và bắt quả tang Trần Ngọc H, sau đó Cơ quan điều tra khám xét chỗ ở của V, với sự có mặt của Q thì phát hiện thu giữ trong phòng ngủ của V và Q nhiều túi nylon chứa tinh thể không màu nhưng Q khai không biết đó là chất gì và ở đâu mà có. Đối với số ma túy thu giữ tại nhà số 945/36 L, quận G là của V đưa cho Q sử dụng nhưng không hết và đưa cho Q cất giữ, sau đó Q lấy trộm một ít để trong gói nylon bên ngoài có in chữ “NEW USB CABLE”, nhằm mục đích khi cần thì Q lấy sử dụng riêng.

Ngoài hành vi phạm tội như đã nêu trên, Cơ quan điều tra còn xác định: Vào tối ngày 17/3/2020, Võ Thị L đến chỗ ở của Q và V, sau khi L đưa tiền cho V, Q là người lấy ma túy bỏ vào hộp giấy và dùng băng keo màu vàng quấn lại rồi đưa cho L mang về thì bị bắt quả tang.

Lê Thanh V sử dụng ma túy từ năm 1998, đã bị Tòa án xét xử 04 lần về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Cướp giật tài sản” và “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Quá trình điều tra, V không thừa nhận hành vi phạm tội, chỉ khai nhận sau khi chấp hành xong hình phạt tù về địa phương, khoảng đầu năm 2020, do tai nạn giao thông gây xương quai hàm, thường xuyên bị đau nhức nên V gặp một người bạn trước đây cùng chấp hành án phạt tù có tên thường gọi là “B” (không rõ lai lịch), mua khoảng 05 gam ma túy “đá”, giá 1.000.000 đồng sử dụng làm thuốc giảm đau, sau khi mua được ma túy V đem về nhà thuê số 945/36 L, quận G, rủ Q cùng sử dụng, số ma túy còn lại V đưa cho Q cất giấu sau đó bị Cơ quan điều tra khám xét thu giữ.

Số ma túy còn lại và các dụng cụ sử dụng ma túy thu giữ tại nhà không số, Tổ 7, Ấp 11A, xã T, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và nhà số 945/36 L, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, V không thừa nhận và khai không biết là của ai để tại hai địa điểm này.

Tại thời điểm tổ công tác kiểm tra hành chính và khám xét, V cương quyết chống đối, không hợp tác và có hành vi tấn công ngược lại đối với những người đang làm nhiệm vụ. Tuy nhiên, tổ công tác và Cơ quan điều tra đã mời người chứng kiến toàn bộ sự việc từ khi kiểm tra đến khám xét, thu giữ vật chứng.

Về các đối tượng H, TA, LU và A là do V thuê đến để nuôi gà đá cho V tại nhà không số, Tổ 7, Ấp 11A, xã T, Huyện C, các đối tượng này có sử dụng ma túy hay mua ma túy ở đâu để sử dụng thì V không biết.

Đối với khẩu súng, V khai nhận được tại bãi rác trước nhà của V rồi đem về cất giấu tại phòng ngủ của V sau đó bị thu giữ.

Đối với Nguyễn Văn HU cũng bị bắt tại nhà của V tại thời điểm tổ công tác kiểm tra hành chính: H khai nhận bắt đầu sử dụng ma túy từ năm 1995 cho đến khi bị bắt, khoảng 12 giờ 00' ngày 23/3/2020, H đi trên đường Nguyễn Thượng H thuộc Quận D thì gặp bạn tên NG (không rõ lai lịch), H đưa cho NG 500.000 đồng nhờ mua giùm 01 gói ma túy đá (không rõ khối lượng), sau đó H lấy một ít ra sử dụng, số ma túy còn lại H cất vào trong túi quần đang mặc rồi đến nhà của V để mượn tiền thì bị kiểm tra phát hiện thu giữ. Do hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của H không L quan đến hành vi phạm tội của Lê Thanh V, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện C đã khởi tố, điều tra đối với H trong vụ án khác.

Các đối tượng liên quan khai nhận:

Phạm Đình N cũng là người sử dụng ma túy từ khoảng đầu năm 2020, thông qua người giới thiệu, khoảng 10 ngày trước khi V bị bắt, NH có mua của V 01 chiếc xe mô tô nhưng thiếu tiền. Khoảng 16 giờ 00' ngày 23/3/2020, NH đem tiền đến nhà của V để trả tiền mua xe còn nợ. Khi đến nhà của V, NH thấy bên ngoài có nhiều người không rõ lai lịch; tại đây V gọi NH vào phòng ngủ của V và đóng cửa lại nói chuyện xong, V mở hộc tủ gỗ gần chỗ ngồi của V, lấy ra một gói ma túy từ hộp kim loại hình tròn, mời NH cùng sử dụng chung, ngay lúc đó thì bên ngoài có tiếng ồn ào nói có Công an đến, NH đứng dậy mở cửa đi ra ngoài thì bị Cơ quan Công an giữ lại. Ngay sau đó, NH đã khai nhận việc nhìn thấy V lấy ma túy đá từ trong tủ ra mời NH cùng sử dụng và chỉ chỗ V cất giấu ma túy và NH chứng kiến quá trình khám xét chỗ ở của V, phát hiện thu giữ nhiều gói chứa tinh thể không màu tại phòng ngủ của V và Q.

Các đối tượng Nguyễn Anh T, Nguyễn Thành L và Trương Tấn A khai nhận phù hợp với nhau về việc từ khoảng cuối năm 2019, V thuê TU, LU và A đến nhà giúp V nuôi gà đá cho V và được V trả công bằng tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng/tuần hoặc bằng ma túy “đá”, mỗi lần tương đương 500.000

đồng đến 1.000.000 đồng, bên cạnh đó, thỉnh thoảng V còn cho TU, LU và A ma túy ngay tại chỗ ở của V. Ngoài ra, trong quá trình nuôi gà đá tại nhà V thì TU, LU và A thấy có nhiều người nghiện (không rõ lai lịch) đến tìm V và sau đó họ đều được V dẫn vào phòng ngủ của V và Q để làm gì thì TU, LU và An không biết, những khi V không có nhà thì Q là người trực tiếp dẫn người nghiện vào phòng ngủ của V và Q.

Bùi Hoàng Y là vợ của bị can Trần Ngọc H, Y khai nhận cũng là người sử dụng ma túy và nguồn ma túy Y sử dụng là do H mua của V đem về cho Y, thỉnh thoảng Y đến nhà của V để giặt quần áo và nấu cơm cho H, nên Y biết V là người bán ma túy cho H.

Qua điều tra không có căn cứ xác định các đối tượng NH, TU LU, A, Y, B và TM có L quan đến hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” của Lê Thanh V và Nguyễn Thụy Như Q, đồng thời kết quả xét nghiệm ma túy của các đối tượng này “dương tính” nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã bàn giao cho Công an xã T, Huyện C xử lý và quản lý người nghiện theo quy định.

Đối với người phụ nữ tên M thuê Võ Thị L nhận ma túy của V và Q vận chuyển về Huyện P, người thanh niên là cháu của M, người tên T, do L khai không rõ về nhân thân, lai lịch và địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh, truy bắt và xử lý.

Đối với đối tượng tên BE, V khai bán ma túy cho V và quen biết do trước đây cùng đi thi hành án chung tại trại giam Đ, tỉnh Bình Phước, nhưng qua kiểm tra không có trại giam nào như lời khai của V.

Tất cả số vật chứng là ma túy đã được giám định, kết quả thể hiện tại các bản Kết luận giám định số 503/KLGD-H ngày 27/3/2020; số 528, 536/KLGD-H ngày 01/4/2020; số 529/KLGD-H ngày 09/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự (PC09), Công an thành phố Hồ Chí Minh (BL số 415; 126; 133; 120).

* Vật chứng vụ án, gồm có:

- Thu của Lê Thanh V:

+ 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 529/20, có chữ ký của Giám định viên Võ Anh Tvà Cán bộ điều tra Bùi Tiến NH, bên trong là ma túy còn lại sau giám định; 01 khẩu súng ngắn bằng kim loại màu đen, ký hiệu K-17, kết luận giám định là đồ chơi nguy hiểm bị cấm; 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; nhiều bao nylon rỗng; 01 ví cầm tay;

+ 01 điện thoại di động hiệu IPHONE màu đen; 01 điện thoại di động hiệu IPHONE màu xám; 01 điện thoại di động hiệu VIVO màu hồng, V không khai báo mật khẩu để kiểm tra; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, các điện thoại này V khai là điện thoại của V liên lạc với người thân và bạn bè;

+ 01 cân điện tử màu bạc ghi chữ “Made in China”, V khai không biết cân điện tử này là của ai, cũng như không biết ai để trong nhà của V;

+ 01 xe gắn máy biển số 59C1-546.40; số khung: RLHJF4504DY552044; số máy: JF45E-0132658. Kết quả giám định số khung, số máy nguyên thủy. Qua xác minh xe do Nguyễn Thị C, nơi cư trú: số Q64 Bến V, Phường 6, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã triệu tập bà C 03 lần để làm rõ nguồn gốc của xe, nhưng bà C không đến. Lê Thanh V khai không biết xe là của ai và cũng không biết ai để ở nhà V;

+ 01 xe gắn máy, biển số 59F1-887.72; số khung: RLHJF18038Y793160; số máy: JF18E-5401333. Kết quả giám định số khung, số máy nguyên thủy. Qua xác minh, xe do ông Đàm Lê Quốc B, sinh năm: 1998; nơi cư trú: số 457/52 C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Ông B khai ngày 23/3/2020 điều khiển xe đến nhà Lê Thanh V để giúp V và Q dọn dẹp nhà thì bị Cơ quan Công an mời về làm việc và tạm giữ xe. Quá trình điều tra chứng minh xe không L quan đến hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” của V và Q, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe cho B tiếp tục quản lý và sử dụng;

+ 01 xe gắn máy, biển số 59Z1-343.51; số khung: MH1KB111XHK127557; số máy: KB11E1126120. Kết quả giám định số khung, số máy nguyên thủy. Qua xác minh, xe do ông Tiết Thanh T, nơi cư trú: số 150/18 Nguyễn Duy Cung, Phường 12, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Ông T khai đã bán xe cho một người đàn ông không rõ lai lịch sống tại Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không làm thủ tục sang tên. Lê Thanh V khai mua xe của một người không rõ lai lịch sống tại Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng làm phương tiện đi lại, nhưng cũng không làm thủ tục sang tên đổi chủ. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã đăng thông báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa có ai đến L hệ giải quyết;

+ 01 xe gắn máy, biển số 59U2-168.68; số khung: MH8DL11AZKJ207615; số máy: CGA1ID207623. Kết quả giám định số khung, số máy nguyên thủy. Qua xác minh, biển số xe do bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm: 1978; nơi cư trú: số 544 Đường A, Phường 14, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở

hữu, hiện nay bà H vẫn đang quản lý và sử dụng xe máy mang biển số 59U2-168.68. Xác minh số máy, số khung xác định xe này được đăng ký biển kiểm soát 60F3-325.99 do ông Trần H, sinh năm: 1994; nơi cư trú: số 15/54 Khu phố 4, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đứng tên chủ sở hữu. Ông N khai cho một người bạn tên là TH (không rõ lai lịch) mượn vào khoảng giữa tháng 8/2019, sau đó TH báo xe bị mất. TH không trình báo chính quyền địa phương nơi bị mất xe nên không có căn cứ để xác minh truy tìm. Lê Thanh V khai xe do V mua trả góp của một người tên TH (không rõ lai lịch), V chưa trả hết tiền nên TH vẫn giữ giấy tờ xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã đăng thông báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa có ai đến liên hệ giải quyết;

+ 01 thẻ của ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyen TH Nhu Quynh, V khai là thẻ ATM của Nguyễn Thụy Như Q là người chung sống như vợ chồng với V tại nhà không số, Tổ 7, Ấp 11A, xã T, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

+ 40.000.000 đồng tiền Việt Nam, V khai là tiền bán gà đá mà có.

- Thu giữ của Nguyễn Thụy Như Q:

+ 02 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 536/20, có chữ ký của Giám định viên Lê Thị Hằng và Cán bộ điều tra Bùi Tiến NH, bên trong là ma túy còn lại sau giám định;

+ 01 cân điện tử màu trắng-bạc, Q khai cân này của Lê Thanh V, còn dùng để làm gì thì Q không biết;

+ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy có gắn nỏ và ống hút, Q khai là của Lê Thanh V; 01 chiếc đầm màu đỏ là của Q.

- Thu giữ của Trần Ngọc H:

+ 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 528/20, có chữ ký của Giám định viên Võ Anh Tvà Cán bộ điều tra Bùi Tiến NH, bên trong là ma túy còn lại sau giám định;

+ 01 điện thoại di động hiệu IPHONE màu bạc; 01 điện thoại di động hiệu COOLPAD màu xanh, H khai mua để sử dụng L lạc với gia đình, bạn bè.

- Thu giữ của Võ Thị L:

+ 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 503/20, có chữ ký của Giám định viên Bùi Công D và Cán bộ điều tra Nguyễn Phi T, bên trong là ma túy còn lại sau giám định;

+ 01 túi xách màu đen, 01 bình nylon màu đỏ và 01 hộp giấy dùng để cất giấu ma túy;

+ 01 điện thoại di động L dùng để L lạc giao nhận ma túy.

Tại Bản cáo trạng số: 410/CTr-VKS-P1, ngày 16/8/2022 của Viện kiểm sát NH dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Lê Thanh V và Nguyễn Thụy Như Q về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm h, khoản 4 Điều 251 và điểm b, khoản 4 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Võ Thị L về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm h, khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Trần Ngọc H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2023/HS-ST ngày 23/02/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm b, khoản 4, khoản 5, Điều 249; Điều 17; Điều 58; Điều 40; điểm d khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 55; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh V: Tử hình về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; 18 (mười tám) năm tù, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là Tử hình. Bị cáo tạm giam ngày 24/3/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Thanh V để đảm bảo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Thanh V 50.000.000 đồng về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; phạt tiền 15.000.000 đồng, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” để sung ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm b, khoản 4, khoản 5 Điều 249; Điều 17; Điều 58; Điều 39; điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 55; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thụy Như Q: Tù chung thân về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; 15 (mười lăm) năm tù, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là Chung thân. Bị cáo tạm giam ngày 24/3/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thụy Như Q 30.000.000 đồng, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” ; phạt tiền 10.000.000 đồng, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, để sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/02/2023 bị cáo Lê Thanh V và ngày 07/3/2023 bị cáo Nguyễn Thụy Như Q, cùng có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Thanh V thay đổi kháng cáo không thừa nhận hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, cho rằng không bán ma túy cho đối tượng M (do Võ Thị L nhận vận chuyển), cơ quan tiến hành tố tụng chưa cho bị cáo đối chất với phạm nhân L để làm rõ tình tiết này. Số ma túy bị thu giữ tại phòng ngủ của bị cáo tại nhà không số, tổ 7, ấp 11A, xã T, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh không phải của bị cáo và bị cáo cũng không biết là của ai. Đối với số ma túy bị thu giữ tại nhà số 945/36, đường L, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo chỉ thừa nhận tàng trữ 5g Methamphetamine để sử dụng, số ma túy còn lại bị cáo không biết của ai. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và giảm nhẹ hình phạt đối với tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh V là Luật sư Đoàn Huy H phát biểu ý kiến: về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, Luật sư thống nhất như bản án sơ thẩm đã quy kết bị cáo. Về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, chưa đủ cơ sở xác định bị cáo V phạm tội này vì cơ quan điều tra chưa chứng minh được yếu tố thu lợi của bị cáo mà chỉ căn cứ vào lời khai của đối tượng khác để buộc tội bị cáo là không đủ cơ sở vì bị cáo là người nghiện ma túy nên vẫn có khả năng tàng trữ ma túy để sử dụng. Bị cáo cũng không được đối chất với phạm nhân L nhưng cơ quan điều tra vẫn quy kết bị cáo bán ma túy cho L là vi phạm tố tụng. Đối với số ma túy bị thu giữ tại nhà số 945/36, đường L, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan điều tra không bắt quả tang bị cáo nên chưa đủ cơ sở quy kết buộc bị cáo chịu trách nhiệm đối với số ma túy này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Bị cáo Nguyễn Thụy Như Q thay đổi kháng cáo cho rằng không phạm tội mua bán trái phép chất ma túy vì bị cáo chỉ giúp V quán gói đồ giao cho L nhưng không biết bên trong có chứa ma túy; lượng ma túy bị thu giữ tại phòng ngủ tại nhà của V bị cáo không biết của ai. Số ma túy thu giữ tại nhà thuê của bị cáo tại số 945/36 L, quận G là của V đưa cho bị cáo sử dụng, sau đó bị cáo lấy trộm

một ít để trong gói nylon bên ngoài có in chữ “NEW USB CABLE”, có trọng lượng 0,6304g Methamphetamine để sử dụng riêng; số ma túy còn lại là của V nên xin Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh “Mua bán trái phép chất ma túy” và xác định lại khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Người bào chữa theo Luật định cho bị cáo Nguyễn Thụy Như Q là Luật sư Vũ Thanh H phát biểu ý kiến: bị cáo Q chỉ giúp bị cáo V quán băng keo gói đồ để đưa cho L theo chỉ đạo của V mà không biết đó là ma túy. Do bị cáo sống chung với V như vợ chồng và được V cho ma túy để sử dụng nên phụ thuộc V, phải làm theo yêu cầu của V mà không biết V mua bán ma túy. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Q không phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, số ma túy thu giữ tại nhà của bị cáo tại số 945/36 L, quận G là của V, bị cáo chỉ tàng trữ 0,6304g Methamphetamine nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, cả 02 bị cáo đều thay đổi kháng cáo không thừa nhận hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng căn cứ vào lời khai của các bị cáo, của phạm nhân L, H, những người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Khối lượng ma túy các bị cáo mua bán là rất lớn nên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo V tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 18 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là Tử hình; xử phạt bị cáo Q tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 15 (mười lăm) năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là tù chung thân, là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát NH dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện

đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Thanh V, Nguyễn Thụy Như Q không thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám xét khẩn cấp; biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu; kết luận giám định; lời khai của các bị cáo, của Võ Thị L, Trần Ngọc H, của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản nhận dạng và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định như sau:

Vì động cơ tư lợi, V và Q đã cất giấu 948,8736g Methamphetamine; 696,7087g Ketamine; 2,9229g hỗn hợp Methamphetamine, MDMA và Ketamine trong phòng ngủ của V và Q tại nhà không số, Tổ 7, ấp 11A, xã T, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nhằm mục đích để bán; trước đó V và Q đã bán cho đối tượng tên M (không rõ lai lịch) 111,1714 gam Heroine; 99,5872 gam Methamphetamine do Võ Thị L là người nhận và vận chuyển; bán cho Trần Ngọc H 1,7717g Methamphetamine. Do đó, bị cáo V và Q phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng ma túy mua bán là 1.050,2325g Methamphetamine; 111,1741g Heroine; 696,7087g Ketamine; 2,9229g hỗn hợp Methamphetamine, MDMA và Ketamine.

Ngoài ra, các bị cáo V và Q còn tàng trữ 149,6291g Methamphetamine (trong đó, tàng trữ 0,4407g tại nhà không số, Tổ 7, ấp 11A, xã T, Huyện C và 149,1884g tại nhà số 945/36, đường L, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh) nhằm mục đích để sử dụng.

[3] Với các hành vi nêu trên, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thanh V và Nguyễn Thụy Như Q phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 và điểm b khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm đến chính sách của nhà nước về đấu tranh phòng ngừa và loại bỏ ma túy ra khỏi cuộc sống xã hội, không những gây mất trật tự trị an, sức khỏe con

người, làm lây lan tệ nạn nghiện ngập trong xã hội mà còn gây khó khăn trong việc phòng chống tội phạm về ma túy và các tội phạm, tệ nạn xã hội khác nên cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thanh V.

[5.1] Bị cáo Lê Thanh V kháng cáo cho rằng bị cáo không có mua bán chất ma túy với đối tượng M (do Võ Thị L nhận vận chuyển); cơ quan tiến hành tố tụng chưa cho bị cáo đối chất với phạm nhân L để làm rõ vấn đề này là vi phạm tố tụng; số ma túy bị thu giữ tại nhà không số, Tổ 7, ấp 11A, xã T, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh không phải của bị cáo và bị cáo cũng không biết là của ai. Đối với số ma túy bị thu giữ tại nhà số 945/36, đường L, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo chỉ tàng trữ 5g Methamphetamine để sử dụng, số còn lại không phải của bị cáo.

[5.1.1] Hồ sơ vụ án thể hiện, lời khai của bị cáo Q, bị cáo L đều thống nhất thể hiện, vật chứng bị cáo L bị thu giữ khi bị bắt quả tang là 01 hộp giấy bên ngoài quấn băng keo màu vàng, bên trong có 01 bịch nylon chứa 111,1714 gam Heroine và 01 gói nylon chứa 99,5872 gam Methamphetamine do bị cáo V đưa cho bị cáo Q quấn băng keo và giao cho L để vận chuyển đến Huyện P, tỉnh Kiên Giang giao cho đối tượng tên M (không rõ lai lịch) là người mua ma túy của V. Lời khai của L và Q là phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản thu giữ đồ vật đối với bị cáo L, với biên bản nhận dạng Q, V của L. Do đó, có cơ sở xác định, bị cáo V có hành vi bán 111,1714 gam Heroine và 99,5872 gam Methamphetamine cho đối tượng M.

[5.1.2] Lời khai của Trần Ngọc H, Nguyễn Thành L, Trương Tân A, Nguyễn Anh T là những người được V thuê nuôi gà và trả công bằng ma túy, lời khai của Nguyễn Thụy Như Q đều thống nhất xác định V và Q có mua bán ma túy, địa điểm giao dịch ma túy là phòng ngủ của V và Q tại nhà không số, Tổ 7, ấp 11A, xã T, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (BL 195, 197, 356, 376, 537, 554, 556, 560, 580, 581, 584, 589). Các lời khai nêu trên phù hợp với lời khai của L về địa điểm nhận ma túy, phù hợp biên bản khám xét khẩn cấp về nơi cất giấu ma túy là phòng ngủ của V và Q. Mặt khác, khối lượng ma túy bị thu giữ tại địa điểm nêu trên là rất lớn, không phù hợp với mục đích sử dụng. Do đó, có căn cứ kết luận, số ma túy bị thu giữ khi khám xét nơi ở của bị cáo V tại nhà không số, Tổ 7, ấp 11A, xã T, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh gồm 948,8736g Methamphetamine; 696,7087g Ketamine; 2,9229g hỗn hợp Methamphetamine, MDMA và Ketamine là ma túy do bị cáo cất giấu nhằm mục đích để bán. Việc bị cáo cho rằng không biết số ma túy này là của ai là không phù hợp vì ma túy bị thu giữ tại phòng ngủ của bị cáo và bị cáo thừa nhận phòng

ngủ nêu trên chỉ có bị cáo và bị cáo Q sử dụng nên khai nhận này là không có cơ sở chấp nhận.

[5.1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng chưa được đối chất với phạm nhân L để làm rõ việc bị cáo có bán ma túy cho M hay không. Hồ sơ vụ án thể hiện, xuyên suốt quá trình điều tra vụ án từ khi bị bắt, bị cáo V đều thể hiện thái độ không hợp tác, thậm chí chống đối cơ quan tiến hành tố tụng, khai báo quanh co, không thừa nhận hành vi phạm tội nên cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã áp dụng các biện pháp thu thập chứng cứ cần thiết theo quy định của pháp luật để làm rõ sự thật khách quan của vụ án, bao gồm việc cho bị cáo đối chất với L vào ngày 24/3/2020 (BL 306) nhưng bị cáo không ký biên bản, cơ quan điều tra đã lập biên bản ghi nhận sự việc bị cáo không ký biên bản đối chất (BL 308). Tại biên bản đối chất nêu trên thể hiện thành phần tham gia có Kiểm sát viên Mai Văn B nhưng cuối biên bản không có chữ ký của Kiểm sát viên là thiếu sót. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không chỉ dựa vào biên bản đối chất này để truy cứu trách nhiệm hình sự của bị cáo mà còn căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp như sự phù hợp trong lời khai của các bị cáo Q, L, H, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và vật chứng thu giữ như phân tích tại mục [5.1.1] và [5.1.2] đều thống nhất thể hiện bị cáo có thực hiện hành vi mua bán ma túy với M (do L vận chuyển). Hơn nữa, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo tiếp tục được đối chất công khai với phạm nhân L thông qua việc thẩm vấn của Hội đồng xét xử sơ thẩm và L vẫn xác định bị cáo V có nhận tiền từ L, sau đó kêu Q đưa ma túy cho L, bị cáo V không có ý kiến gì về lời khai của L (BL 902, 904). Do đó, thiếu sót nêu trên không làm thay đổi bản chất hành vi phạm tội của bị cáo nên không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5.1.4] Đối với số ma túy bị thu giữ tại nhà số 945/36, đường L, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, quá trình điều tra, bị cáo V và Q đều thống nhất khai nhận số ma túy này là của bị cáo V (BL 363, 285, 734). Căn nhà nêu trên cũng chỉ có V và Q có chìa khóa nên việc bị cáo chỉ thừa nhận tàng trữ 5g Methamphetamine trong số ma túy bị thu giữ nêu trên là không phù hợp.

[5.2] Do đó, kháng cáo về tội danh của bị cáo V là không có cơ sở chấp nhận.

[5.3] Khi lượng hình, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Lê Thanh V không có tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo mua bán ma túy với khối lượng rất lớn. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo không thành khẩn khai báo, quanh co chối tội, gây khó khăn cho hoạt động điều tra. Bản thân bị cáo có nhân thân rất xấu, đã từng nhiều lần bị kết án

về các tội phạm liên quan đến ma túy nhưng không biết hỏi cải mà vẫn tiếp tục phạm tội với mức độ ngày càng nghiêm trọng. Do vậy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 18 (mười tám) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là Tử hình là thỏa đáng, tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo V không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thụy Như Q.

[6.1] Bị cáo Nguyễn Thụy Như Q kháng cáo cho rằng không phạm tội mua bán trái phép chất ma túy vì bị cáo chỉ giúp V quán gói đồ giao cho L nhưng không biết bên trong có chứa ma túy; số ma túy bị thu giữ tại phòng ngủ nhà của V bị cáo không biết của ai. Toàn bộ số ma túy thu giữ tại nhà của bị cáo tại số 945/36 L, quận G là của V đưa cho bị cáo sử dụng, sau đó bị cáo lấy trộm một ít để trong gói nylon bên ngoài có in chữ “NEW USB CABLE”, có trọng lượng 0,6304g Methamphetamine để sử dụng riêng; số ma túy còn lại là của V nên đề nghị xem xét lại khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ.

Xét, lời khai ban đầu của bị cáo tại cơ quan điều tra (BL 359, 362, 368) và tại buổi đối chất với bị cáo L (BL 377), bị cáo đều thừa nhận khi quán gói đồ giao cho L thì bị cáo biết bên trong có ma túy đá nhưng bị cáo vẫn giúp sức cho V thực hiện hành vi mua bán ma túy. Mặt khác, bị cáo còn khai nhận biết V mua bán ma túy và giúp V giao ma túy cho người mua khi V bận (BL 358, 361). Lời khai của Trần Ngọc H, Nguyễn Thành L, Trương Tấn A, Nguyễn Anh T nêu tại mục [5.1.2] cũng xác định Q có bán ma túy cùng với V và trực tiếp giao dịch với người mua khi V không có ở nhà; nếu có V ở nhà thì cả Q và V cùng tiếp khách mua và giao dịch ma túy ở trong phòng ngủ. Nơi cất giấu ma túy là phòng ngủ riêng của bị cáo và V. Như vậy, có cơ sở xác định bị cáo Q có hành vi giúp sức cho bị cáo V trong việc mua bán ma túy nên phải cùng chịu trách nhiệm với V đối với số ma túy bán cho đối tượng tên M và ma túy bị thu giữ tại nhà của V.

Đối với ma túy thu giữ tại nhà của bị cáo tại số 945/36 L, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo biết V mang ma túy về cất giấu để sử dụng nhưng vẫn đồng ý cho V sử dụng nhà của bị cáo để tàng trữ ma túy nên là đồng phạm với V và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số ma túy thu giữ tại địa điểm nêu trên.

[6.2] Do đó, kháng cáo này của bị cáo Q là không có căn cứ.

[6.3] Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xác định bị cáo Nguyễn Thụy Như Q không có tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự; phạm tội với vai trò là người giúp sức tích cực cho Lê Thanh V, từ đó xử phạt bị cáo Q tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 15 (mười lăm) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là tù chung thân là phù hợp với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng nên không có cơ sở chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo cũng như đề nghị của những người bào chữa, và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Lê Thanh V và Nguyễn Thụy Như Q phải chịu theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thanh V và Nguyễn Thụy Như Q. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2023/HS-ST ngày 23/02/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

[1] Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm b, khoản 4, khoản 5, Điều 249; Điều 17; Điều 58; Điều 40; điểm d khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh V: Tử hình về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; 18 (mười tám) năm tù, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là Tử hình. Bị cáo tạm giam ngày 24/3/2020.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Thanh V để đảm bảo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Thanh V 50.000.000 đồng về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; phạt tiền 15.000.000 đồng, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” để sung ngân sách Nhà nước.

[2] Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm b, khoản 4, khoản 5 Điều 249; Điều 17; Điều 58; Điều 39; điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thụy Như Q: Tù chung thân về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; 15 (mười lăm) năm tù, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là Tù chung thân. Bị cáo bị tạm giam ngày 24/3/2020.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thụy Như Q để đảm bảo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thụy Như Q 30.000.000 đồng, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; phạt tiền 10.000.000 đồng, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, để sung ngân sách Nhà nước.

[3] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Lê Thanh V và Nguyễn Thụy Như Q, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo Lê Thanh V có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước - Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xin ân giảm án tử hình trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh; (3)
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THA DS Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TTG Công an Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- “Đề tổng đạt cho bị cáo”; (2)
- Lưu hồ sơ vụ án (1). VP 05, 17b. (PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Nhựt Bình